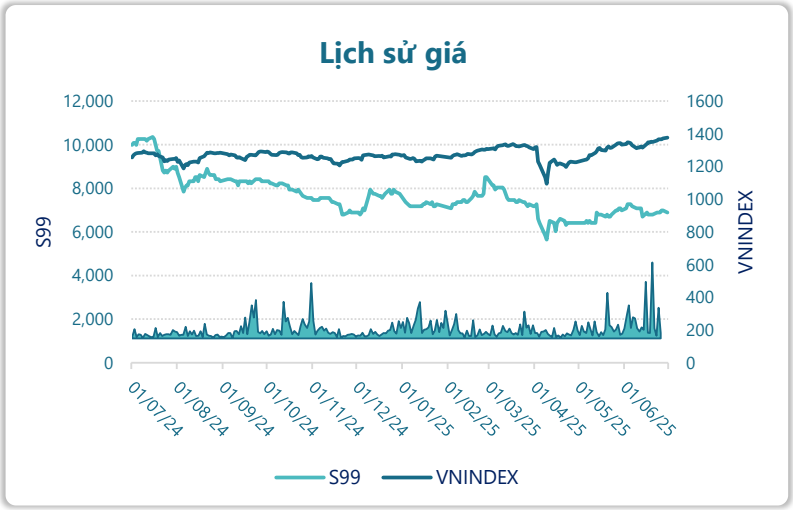
FireAnt

CTCP SCI (HNX: S99)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,353
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,646
SL cổ phiếu LH	99,134,331
KLGD BQ 20 phiên (CP)	64,855
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	714
P/E	22.5
EPS	320

DT thuần

Q2/25

428

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 10.3%

YoY: ▲ 95.0| 28.5%

LN sau thuế

Q2/25

35.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.2| 371%

YoY: ▲ 21.4| 148%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

19.6%

+/- YoY: ▲ 5.4%

DT thuần

6T 2025

816

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 116| 16.6%

LN sau thuế

6T 2025

43.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.70| 4.1%

ROE

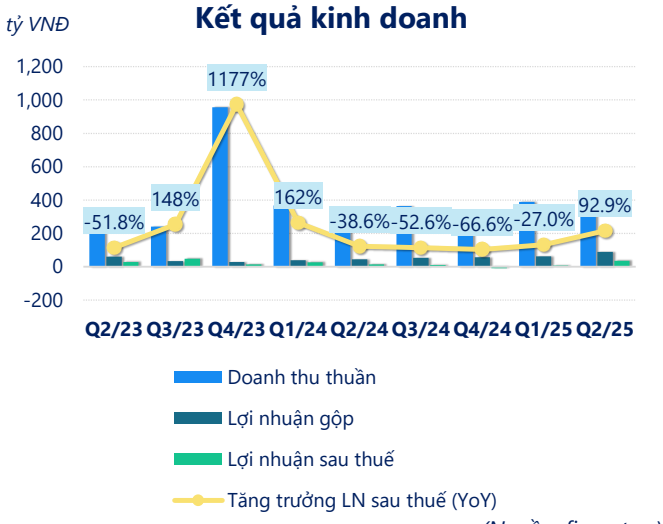
Q2/25

1.9%

+/- YoY: ▼ 4.5%

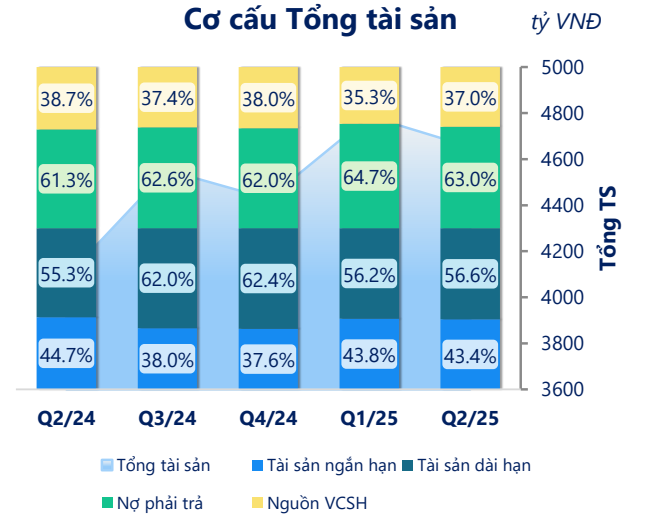
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



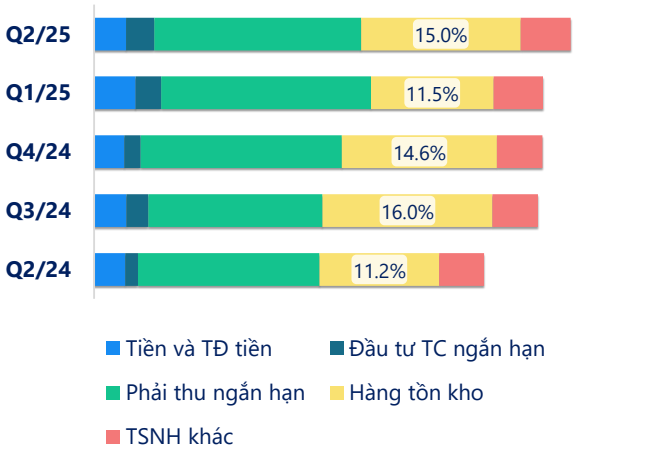
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



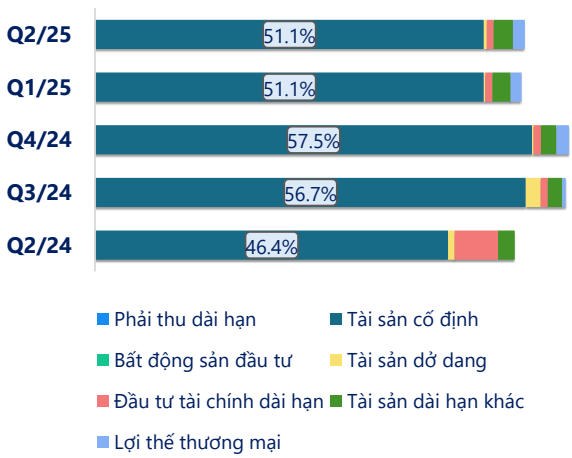
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



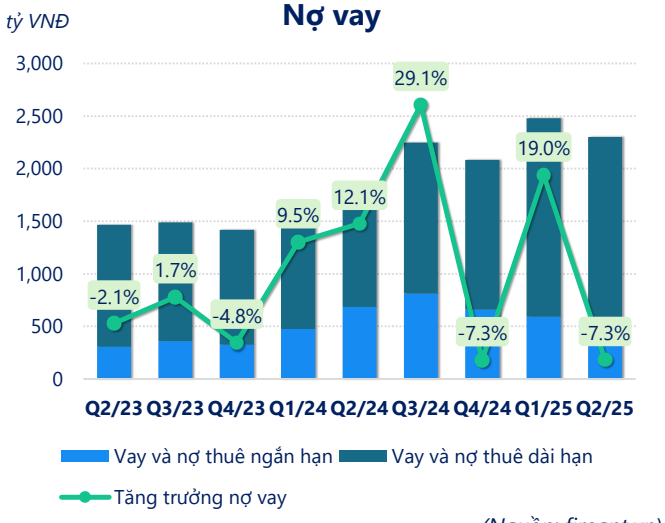
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



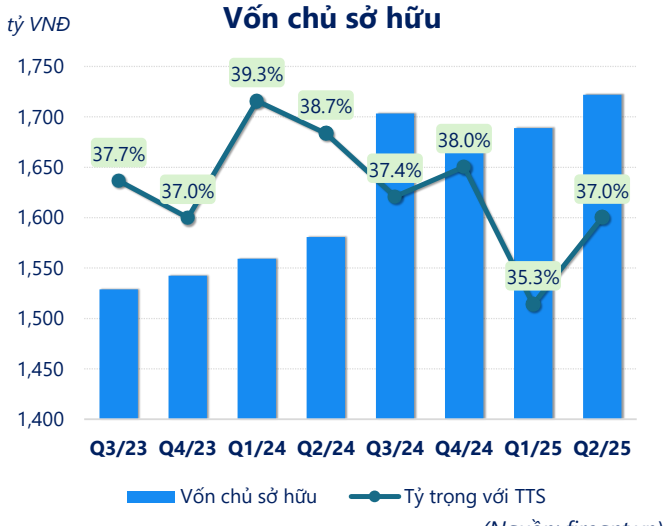
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



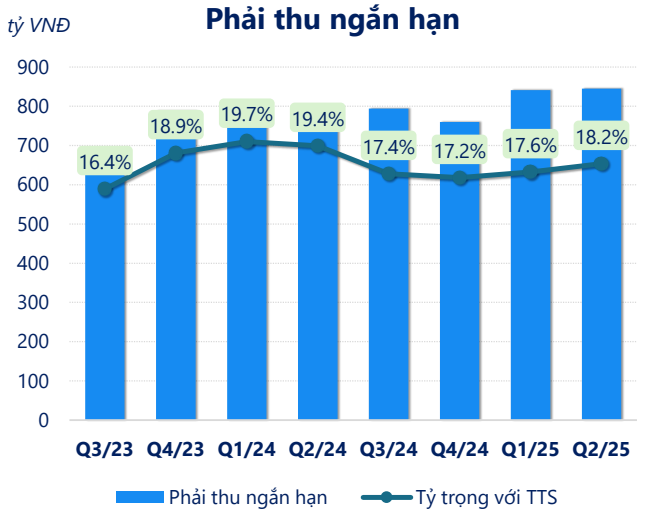
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



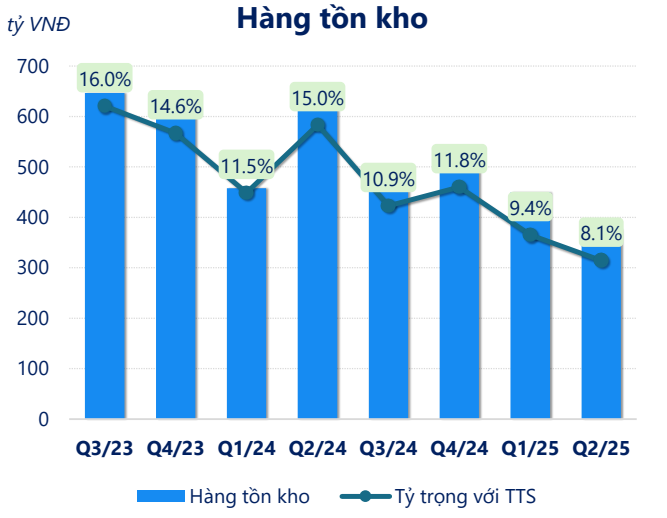
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



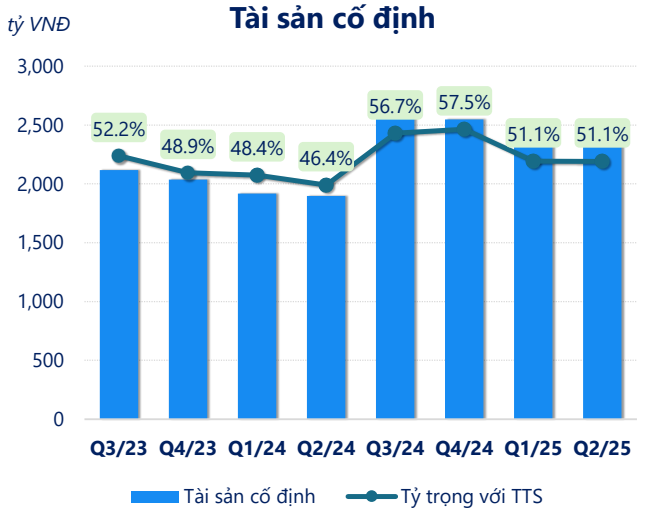
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



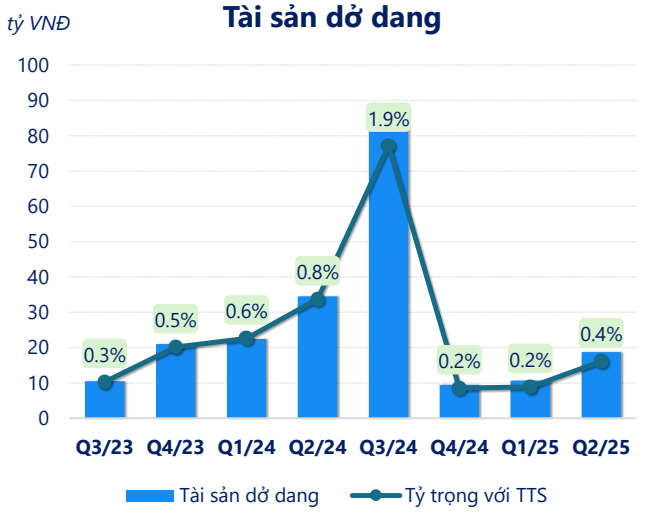
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



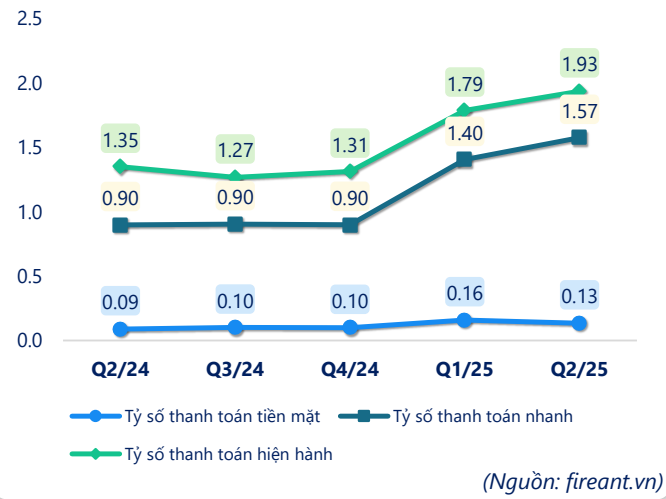
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



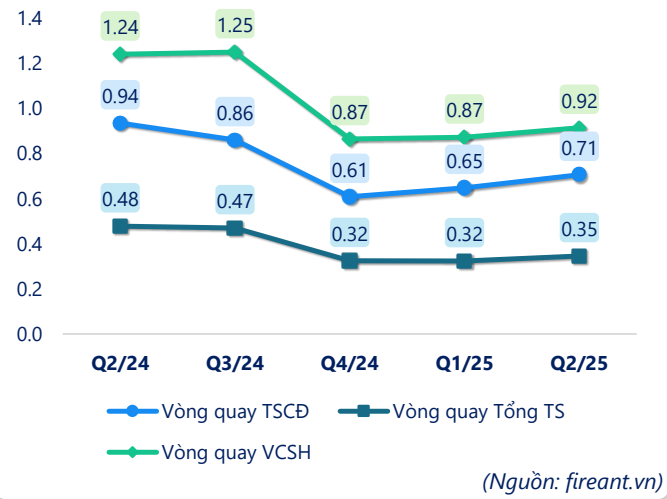
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,088**	**4,552**	**4,428**	**4,786**	**4,653**
Tài sản ngắn hạn	**1,829**	**1,731**	**1,665**	**2,098**	**2,020**
Tiền và tương đương tiền	120	138	126	186	140
Đầu tư tài chính ngắn hạn	109	106	57.4	417	462
Phải thu ngắn hạn	794	794	760	841	845
Hàng tồn kho	613	495	524	450	376
Tài sản ngắn hạn khác	193	198	197	204	197
Tài sản dài hạn	**2,259**	**2,821**	**2,764**	**2,688**	**2,633**
Phải thu dài hạn	2.67	1.53	1.46	1.40	1.61
Tài sản cố định	1,898	2,580	2,546	2,448	2,379
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	34.5	87.9	9.44	10.6	18.8
Đầu tư tài chính dài hạn	234	43.0	43.0	43.9	43.0
Tài sản dài hạn khác	89.5	86.2	89.7	115	118
Lợi thế thương mại	0	21.9	74.1	69.3	72.7
Nợ phải trả	**2,507**	**2,849**	**2,745**	**3,098**	**2,931**
Nợ ngắn hạn	**1,355**	**1,367**	**1,269**	**1,175**	**1,044**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	685	813	659	592	469
Phải trả người bán ngắn hạn	251	252	182	156	176
Nợ dài hạn	1,152	1,482	1,477	1,923	1,887
Vay và nợ thuê dài hạn	1,056	1,435	1,424	1,888	1,831
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,581**	**1,703**	**1,683**	**1,689**	**1,722**
Vốn chủ sở hữu	**1,581**	**1,703**	**1,683**	**1,689**	**1,722**
Vốn điều lệ	940	991	991	991	991
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)